

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HC-ST

Ngày 21/9/2020

*“V/v yêu cầu hủy văn bản
số 977/UBND-TNMT ngày
04/6/2018 của UBND thành
phố P”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng
2. Ông Đồng Minh Thục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-HC ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về việc *“Kiện yêu cầu hủy văn bản số 977/UBND-TNMT ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Tr; địa chỉ: Số 236 đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

Địa chỉ trụ sở: Số 81 đường H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Võ Phúc Ánh - Phó chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Số 81 đường H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Cao Duy Hiền; địa chỉ: Số 81 đường H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Trong năm 2016, ông đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSD đất) tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thành phố P, tỉnh Gia Lai với diện tích đất có kích thước $2m \times 30m = 60m^2$ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2016/QĐST-DS ngày 28/03/2016 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 12/10/2016, ông nhận giấy biên nhận hồ sơ của UBND thành phố P hẹn ngày giao kết quả là ngày 02/11/2016. Sau đó ông nhiều lần đến UBND thành phố P liên hệ nhưng vẫn không có nhận được kết quả mà nhận được các văn bản trả lời của UBND thành phố P, cụ thể:

Công văn số 193/UBND-VP ngày 13/12/2016 “V/v giải quyết hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Nguyễn Văn Tr”; Công văn số 10/PC-BTD ngày 27/03/2017 “V/v kiểm tra giải quyết hồ sơ của ông Nguyễn Văn Tr”; Công văn số 1072/UBND-VP ngày 09/06/2017 “V/v thông báo quá trình giải quyết hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất”; Giấy biên nhận ngày 09/11/2017 với nội dung khiếu nại về việc làm giấy tờ đất; Công văn số 593/CV-VP ngày 16/11/2017 “về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Tr”; Giấy biên nhận ngày 29/11/2017 với nội dung cấp quyền sử dụng đất (đơn lần 2); Công văn số 1836/SNV-CCHC ngày 26/12/2017 “V/v chuyển đơn khiếu nại cấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Tr”; Công văn số 781-CV/BNCTU ngày 08/03/2018 “V/v chuyển đơn của công dân”; Công văn số 427/UBND-TNMT ngày 19/03/2018 “V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr với nội dung: *Thửa đất ông đăng ký cấp Giấy CNQSD đất có kích thước $2m \times 30m = 60m^2$ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2016/QĐST-DS ngày 28/03/2016 của Tòa án nhân dân thành phố P thuộc lộ giới đường hẻm phía Đông rộng 8m nên không đủ điều kiện để xem xét cấp GCNQSD đất*”.

Do không đồng ý với Công văn số 427/UBND-TNMT ngày 19/03/2018 của UBND thành phố P nên ông tiếp tục khiếu nại. Ngày 04/6/2018, UBND thành phố P ban hành Công văn số 977/UBND-TNMT “V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr với nội dung: *“Việc ông yêu cầu công nhận nội dung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2016/QĐST-DS ngày 28/03/2016 của Tòa án nhân dân thành phố P để cấp Giấy CNQSD đất cho gia đình ông là không có cơ sở. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông không đủ điều kiện để xem xét cấp Giấy CNQSD đất”*”.

Việc UBND thành phố P ban hành Công văn số 977/UBND-TNMT ngày 19/03/2018 đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ngày 22/10/2018, ông có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết huỷ bỏ Công văn số 997/UBND-TNMT ngày 04/6/2018 của UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Người bị khởi kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có văn bản trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Tr đề nghị UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất $2m \times 30m = 60m^2$ theo Quyết định số 14/2016/QĐST-DS ngày 23/8/2016 của Toà án nhân dân thành phố P về việc công nhận sự thoả thuận của các đương sự là không có cơ sở, bởi lẽ.

Nguồn gốc đất: Năm 2003, ông Nguyễn Văn Tr nhận chuyển nhượng của ông Phan Đăng P, bà Võ Thị T diện tích $120m^2$ đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đất ở số 2682/CNSH ngày 07/5/1990. Sau khi hoàn thành thủ tục, ông Nguyễn Văn Tr được UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 792798, số vào sổ T 00182.QSĐĐ/42/QĐ-UB ngày 29/8/2003 với diện tích $120m^2$ đất ở; sơ đồ thửa đất được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 07/8/2003, thể hiện cụ thể như sau:

- Kích thước $4m \times 30m = 120m^2$;
- Giới cận: Phía Đông giáp đường đất (*từ tim đường vào 4m kể cả phần diện tích hiện nay ông Tr đề nghị cấp GCNQSD đất*); phía Nam giáp đất ông P; phía Bắc giáp đường L; phía Nam giáp đất bà Th.

Theo sơ đồ thửa đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận ngày 07/8/2003 thì phần đất ông Nguyễn Văn Tr đề nghị cấp Giấy chứng nhận thuộc lộ giới đường hẻm.

Ngày 30/6/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 307/CV-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến giải quyết hồ sơ ông Nguyễn Văn Tr. Ngày 06/7/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1560/STNMT-ĐKTK về việc cho ý kiến giải quyết, nội dung như sau: “*Về Quyết định số 14/2016/QĐST-DS ngày 23/8/2016 của Toà án nhân dân thành phố chưa thể hiện rõ ranh giới thửa đất tranh chấp có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không (về sự phù hợp với quy hoạch, thời điểm sử dụng đất vào mục đích hiện tại,...) nên chưa đủ cơ sở làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của thành phố và UBND phường T rà soát thu thập các Giấy chứng nhận của các hộ dọc tuyến đường hẻm phía Đông. Qua kiểm tra cho thấy các hộ gia đình, cá nhân được cấp GCNQSD đất thể hiện con đường hẻm phía Đông rộng 8m. Ngày 27/3/2017, Phòng Quản lý đô thị thành phố có báo cáo số 145/BC-QLĐT xác nhận: Hiện

trạng lô đất ông Tr đăng ký cấp GCNQSD đất tiếp giáp với đường quy hoạch Đ2 khu quy hoạch chi tiết xây dựng khu phố mới Lê Duẩn, phường T, có chỉ giới xây dựng là 16,5m. Đối chiếu với đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố P, tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018: Trên bản đồ quy hoạch không có thể hiện mặt cắt ngang đường của đoạn đường hẻm này, tuy nhiên qua đối với bản đồ tỷ lệ quy hoạch 1/10.000 và tỷ lệ xích trên bản đồ quy hoạch thì đoạn đường hẻm này được định hướng với lộ giới quy hoạch là 22m. Để đảm bảo quỹ đất phục vụ cho định hướng phát triển giao thông trong tương lai, Phòng Quản lý đô thị đề nghị không cho hợp thức hoá phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận thửa đất nói trên.

Ngày 19/3/2018, UBND thành phố có công văn số 427/UBND-TNMT về việc trả lời ông Nguyễn Văn Tr, trong đó xác định diện tích đất $2m \times 30m = 60m^2$ ông Tr đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc lộ giới đường hẻm phía đông 8m, nên không đủ điều kiện để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn Tr không đồng ý công văn số 427/UBND-TNMT của UBND thành phố, tiếp tục có đơn kiến nghị.

Ngày 24/3/2018, UBND thành phố có công văn số 653/UBND-TNMT đề nghị Toà án nhân dân thành phố P giải thích quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Ngày 10/5/2018, Toà án nhân dân thành phố P có công văn số 141/CV-TA về việc giải thích Quyết định số 14/2016/QĐST-DS ngày 23/8/2016 công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau: “ Ông P và bà T tự nguyện để lại cho ông Tr được quyền sử dụng đất (chưa trừ chỉ giới) mà trước đó ông P và bà T cho rằng diện tích đất đó họ đang sử dụng. Còn việc thửa đất có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không thì phải theo quy hoạch tại địa phương và đảm bảo điều kiện theo quy định tại các Điều 49,50 của Luật đất đai năm 2003 (nay được quy định tại các điều 99, 100, 101 Luật đất đai năm 2013. Trường hợp đất mà bà T và ông P thỏa thuận để lại cho ông Tr sử dụng không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì UBND thành phố P giải thích cho ông Tr biết.”

Ngày 4/6/2018, UBND thành phố có công văn số 997/UBND-TNMT V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr, trong đó xác định việc ông Tr yêu cầu công nhận nội dung Quyết định số 14/2016/QĐST-DS ngày 23/8/2016 của Toà án nhân dân thành phố để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là không có cơ sở. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông không đủ điều kiện để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua xem xét, UBND thành phố P nhận thấy: Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở số 2682/CNSH do Sở xây dựng cấp ngày 7/5/1990 cho ông Phan Đăng P, bà Võ Thị T, ranh giới phía Đông giáp đường hẻm. Năm 2003, ông

P, bà T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Tr diện tích 120m² đất ở thuộc sở hữu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần 2m chiều ngang đất ông Tr nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay nằm ngoài sở hữu là thuộc đất đường giao thông do nhà nước quản lý. Việc ông Nguyễn Văn Tr đề nghị cấp giấy chứng nhận phần diện tích đất này là không có cơ sở để xem xét và giải quyết.

Từ những căn cứ trên, UBND thành phố P không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr, yêu cầu hủy bỏ công văn số 977/UBND-TNMT ngày 4/6/2018 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr.

Diễn biến tại phiên tòa:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định hành chính là công văn số 977/UBND-TNMT ngày 4/6/2018 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và giữ nguyên công văn số 977/UBND-TNMT ngày 4/6/2018 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý vụ án, tổ chức đối thoại, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, 204, 206 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr. Tuyên hủy công văn số 977/UBND-TNMT ngày 4/6/2018 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr. Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Công văn số 977/UBND-TNMT ngày 4/6/2018 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr là một dạng của quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 04/6/2018, UBND thành phố P ban hành công văn số 977/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr, ngày 22/10/2018 ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ công văn nêu trên là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện: Ông Tr khởi kiện công văn do UBND thành phố P ban hành, nên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[4] Về tính hợp pháp của công văn:

** Thẩm quyền ban hành công văn:* Ông Nguyễn Văn Tr có đơn khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02m x 30m đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 792798, số vào sổ T 00182.QSĐĐ/42/QĐ-UB ngày 29/8/2003 do UBND tỉnh Gia Lai cấp, UBND thành phố P trả lời đơn cho ông là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

** Về nội dung vụ án:*

Nguồn gốc diện tích đất 02m x 30m ông Tr yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 792798, số vào sổ T 00182.QSĐĐ/42/QĐ-UB ngày 29/8/2003 do UBND tỉnh Gia Lai cấp cho ông Nguyễn Văn Tr. Thửa đất trên có tứ cận: Phía Đông giáp đường hẻm 236 Lê Duẩn dài 30m, phía Tây giáp nhà ông Tr dài 30m, phía Nam giáp đất ông P dài 2m, phía Bắc giáp đường Lê Duẩn dài 2m.

Diện tích đất nêu trên do ông Phan Đăng P và bà Võ Thị T sử dụng từ năm 1990, đến năm 2003 thì ông P chuyển nhượng lại cho ông Tr bằng giấy viết tay, sau đó giữa ông P và ông Tr xảy ra tranh chấp. Đến năm 2011, ông P nộp hồ sơ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên thì UBND thành phố P không cấp với lý do đất đang tranh chấp. Đến năm 2016 ông P thỏa thuận để lại cho ông Nguyễn Văn Tr được quyền sử dụng và làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, được ghi nhận trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2016/QĐST-DS ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố P. Như vậy, ông Tr là người sử dụng diện tích đất nêu trên từ năm 2003 đến nay, quá trình sử dụng có tranh chấp đất, tuy nhiên việc tranh chấp đất không phải với bên thứ ba mà tranh chấp với ông P là người đã chuyển nhượng đất cho ông Tr. Việc tranh chấp đã được giải quyết bằng Quyết định có hiệu lực của Tòa án. Nên căn cứ vào khoản 2 Điều 20, khoản 4

Điều 56, Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 thì trường hợp của ông Tr có thể được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu đất không nằm trong quy hoạch khi ông Tr nhận chuyển nhượng năm 2003.

Trong năm 2016, ông Tr nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND thành phố P cho rằng diện tích đất nêu trên là đất thuộc đường giao thông, hiện trạng lô đất ông Tr đăng ký cấp GCNQSD đất tiếp giáp với đường trước đây rộng 8m, nhưng hiện nay là đường quy hoạch Đ2 khu quy hoạch chi tiết xây dựng khu phố mới Lê Duẩn, phường T, có chỉ giới xây dựng là 16,5m nên không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Tại các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện, từ năm 2005 đến năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành các Quyết định “V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu phố mới QL19 (đường Lê Duẩn), phường T, thành phố P” cụ thể như sau: Quyết định số 320/QĐ-UB ngày 30/5/2005; được điều chỉnh tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 11/01/2007; Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 04/3/2011; Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 01/02/2016. Các Quyết định đều thể hiện “*Giao cho UBND thành phố P phối hợp với các Ban, Sở, Ngành có liên quan tổ chức công bố quy hoạch*”.

Ngày 11/10/2016, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định số 1640/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu phố Lê Duẩn, phường T, thành phố P”. Tuy nhiên, đến nay UBND nhân dân thành phố P vẫn chưa khảo sát, cắm mốc để quy hoạch khu phố mới Lê Duẩn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các buổi xem xét thẩm định tại chỗ nhưng UBND nhân dân thành phố P không xác định được mốc lộ giới của đường quy hoạch Đ2 thuộc Khu phố Lê Duẩn, phường T, thành phố P.

Mặt khác tại công văn số 427/UBND-TNMT ngày 19/3/2018 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr xác định: “*Hiện trạng lô đất ông Tr đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp giáp với đường quy hoạch Đ2 khu quy hoạch chi tiết xây dựng khu phố mới Lê Duẩn, phường T, có chỉ giới xây dựng là 16,5m tính từ hàng rào nhà tang lễ đến hàng rào lô đất ông Tr, theo đó lô đất ông Tr không nằm trong ranh giới đường quy hoạch Đ2. Để đảm bảo quỹ đất phục vụ cho định hướng phát triển giao thông trong tương lai nên đề nghị không cho hợp thức hóa phần đất nằm ngoài Giấy chứng nhận của thửa đất nói trên*”.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc UBND thành phố P ban hành Công văn số 977/UBND-TNMT ngày 4/6/2018 “V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr với nội dung: *Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng*

đất của ông Nguyễn Văn Tr không đủ điều kiện để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là không phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr về việc yêu cầu hủy Công văn số 997/UBND-TNMT ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.800.000 đồng, ông Nguyễn Văn Tr tự nguyện chịu.

[6]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, các Điều 204, 206, 348, 358 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 101, Điều 157 Luật đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr.

- Hủy Công văn số 977/UBND-TNMT ngày 4/6/2018 của UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Tr.

- Buộc UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ghi nhận sự tự nguyện của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Tr về việc chịu số tiền 3.800.000 đồng (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Văn Tr đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Tr 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004637 ngày 05/11/2018 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Đối với

đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa HC, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Như Phượng